TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12- ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 18 – 3 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Đô

2. Bà Võ Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi – Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2026/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2026/QĐXX - ST ngày 09 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương Ng, sinh năm 1996
Số căn cước công dân: 070196005973

Địa chỉ thường trú: Thôn 6, xã A, tỉnh Đồng Nai

Chỗ ở hiện nay: Thôn 4, xã B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1993
Số căn cước công dân: 075093001464

Địa chỉ: Thôn 4, xã B, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh Nguyễn Minh T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước (cũ) vào ngày 02/10/2017. Quá trình chung sống vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn do anh T ăn chơi, không quan tâm gia đình mặc dù chị Ng đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Nay chị Ng thấy mâu thuẫn càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Ng và anh T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Minh Tuệ A, sinh ngày 21/9/2022. Khi ly hôn chị Ng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Anh cho đến khi cháu thành niên và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Ng tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (cũ). Quá trình chung sống hai vợ chồng thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn do anh T sử dụng chất ma túy, chị Ng có khuyên ngăn nhưng anh T không nghe, ngoài ra giữa anh T và chị Ng không có mâu thuẫn gì khác. Nay chị Ng yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Anh T và chị Ng có có 01 người con chung là cháu Nguyễn Minh Tuệ A, sinh ngày 21/9/2022. Khi ly hôn anh T đồng ý giao cháu Tuệ A cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tuệ A thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn vì đều đã có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương Ng; về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Tuệ A cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tuệ A thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về nợ chung, tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương Ng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Minh T. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn 4, xã B, tỉnh Đồng Nai. Hội đồng xét xử xét thấy tranh chấp

giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai.

[2] Đối với sự vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị Ng và anh T đều đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Ng và anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương Ng và anh Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (cũ). Điều này phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 78/2017 ngày 02/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã Bom, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai) đã được chị Ng giao nộp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh T là hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn gia đình: Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị Ng đều thống nhất trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do anh T sử dụng ma túy mặc dù chị Ng nhiều lần can ngăn. Do đó, chị Ng yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Ng và anh T là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Ng.

[5] Về con chung: Chị Ng và anh T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Minh Tuệ A, sinh ngày 21/9/2022. Anh T và chị Ng thống nhất giao cháu Tuệ A cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Anh thành niên. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của chị Ng và anh T, giao cháu Tuệ A cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tuệ A đủ 18 tuổi.

[6] Về vấn đề cấp dưỡng: Chị Ng và anh T không yêu cầu vấn đề cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Chị Ng và anh T không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Chị Ng và anh T không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn chị Ng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[10] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Đồng Nai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương Ng về việc xin ly hôn. Chị Nguyễn Thị Phương Ng được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Tuệ A, sinh ngày 21/9/2022 cho chị Nguyễn Thị Phương Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tuệ A đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Ng và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Ng và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Ng và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương Ng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Ng đã nộp trước là 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0002021 ngày 22/01/2026 của Thi hành án tỉnh Đồng Nai.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12- Đồng Nai;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đào